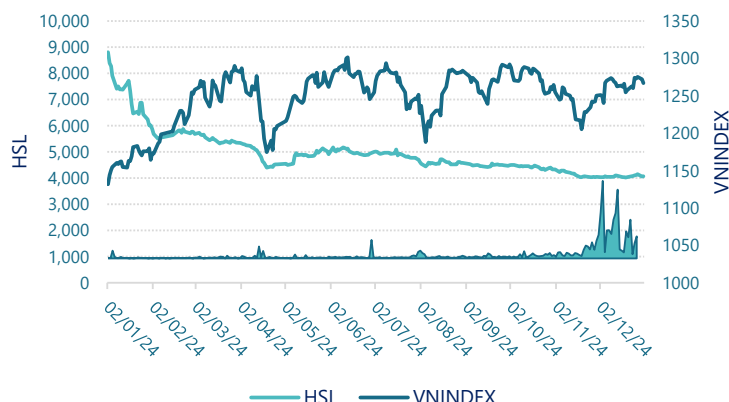


CTCP Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà (HSX: HSL)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	4,070
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,807
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,020
SL cổ phiếu LH	38,567,363
KLGD BQ 20 phiên (CP)	69,448
% sở hữu nước ngoài	1.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	157
P/E	22.6
EPS	180

DT thuần

Q4/24

11.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼7.20 | -39.1%

YoY: ▼137 | -92.4%

LN sau thuế

Q4/24

0.96

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.33 | -25.7%

YoY: ▼4.66 | -82.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

6.5%

+/- YoY: ▲ 2.8%

DT thuần

2024

139

tỷ VNĐ

YoY: ▼251 | -64.3%

LN sau thuế

2024

7.16

tỷ VNĐ

YoY: ▼4.94 | -40.7%

ROE

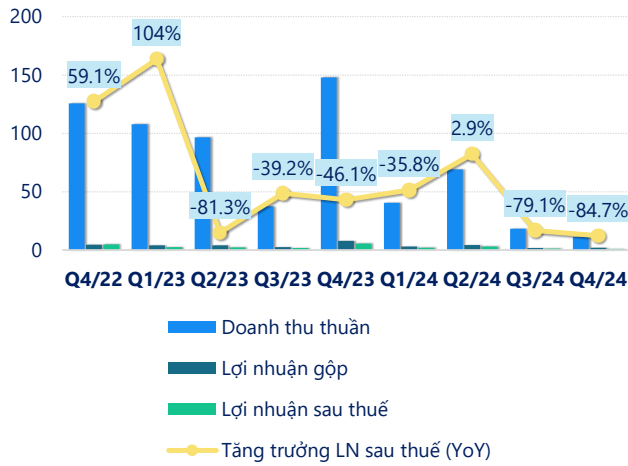
2024

1.6%

+/- YoY: ▼ 1.1%

tỷ VNĐ

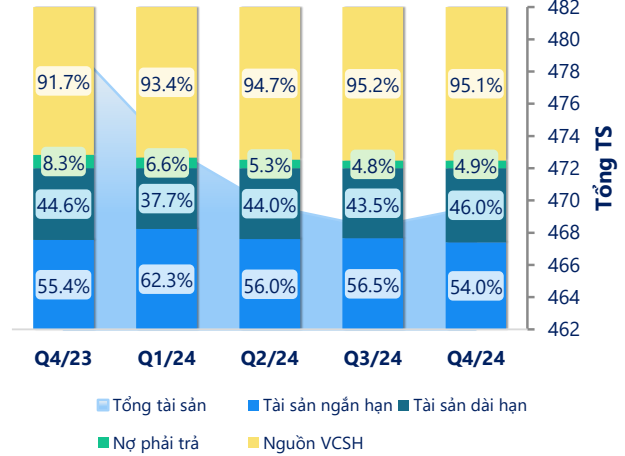
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

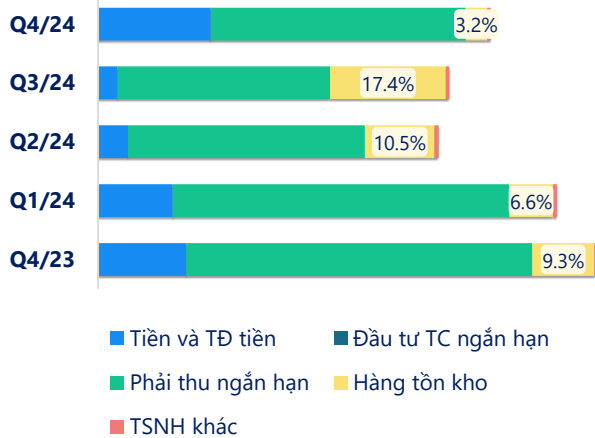
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



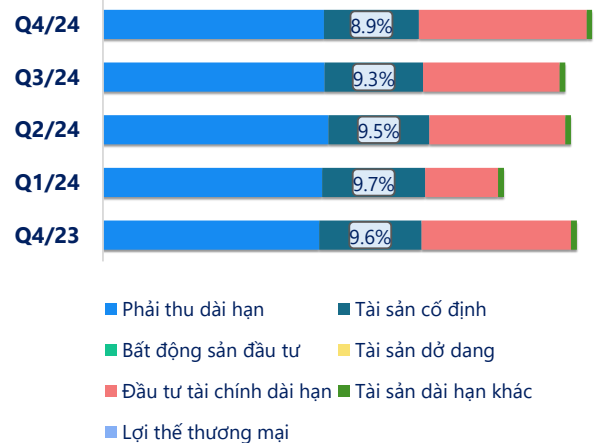
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

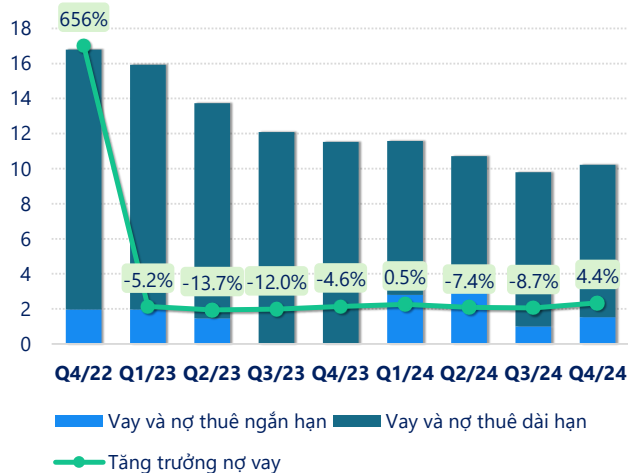
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

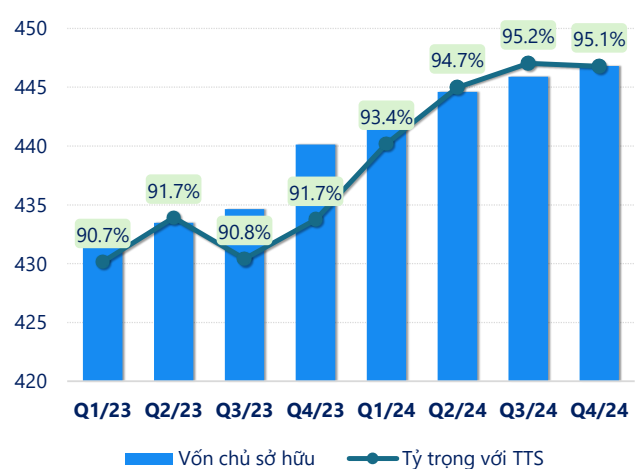
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

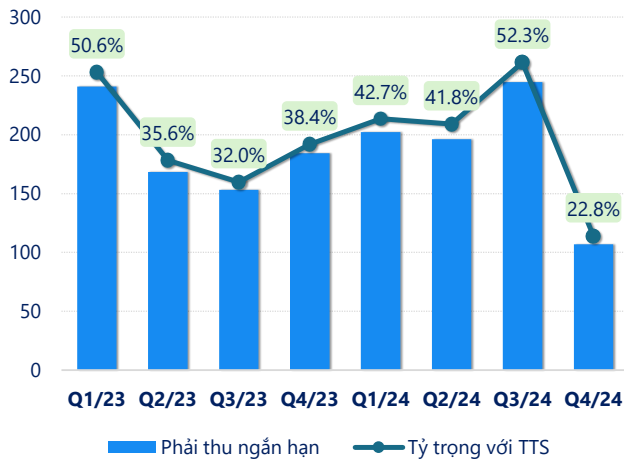
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



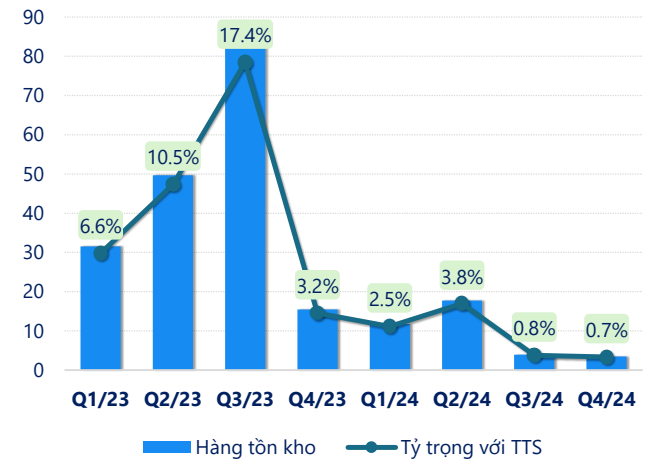
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


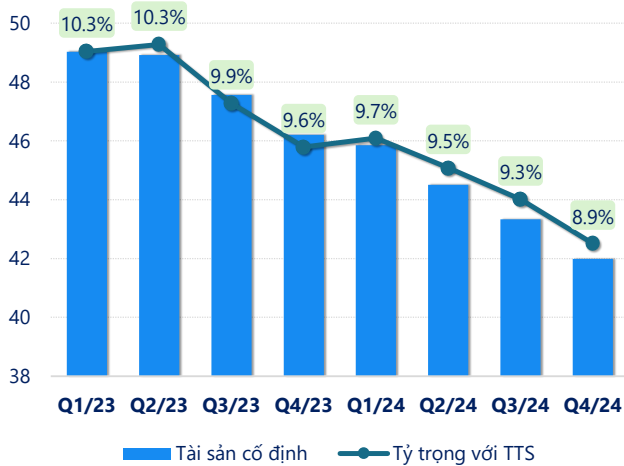
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


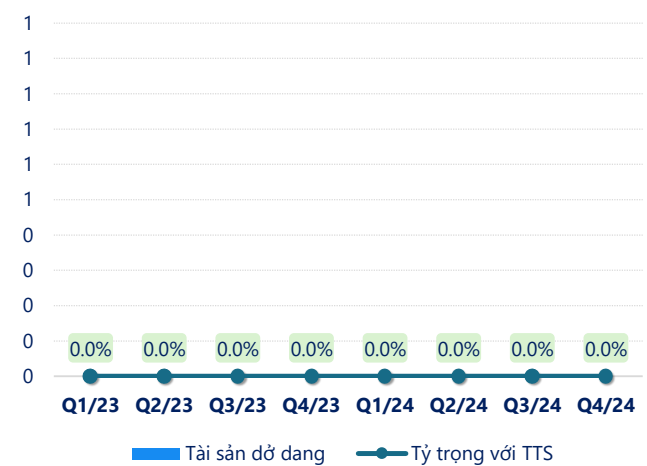
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

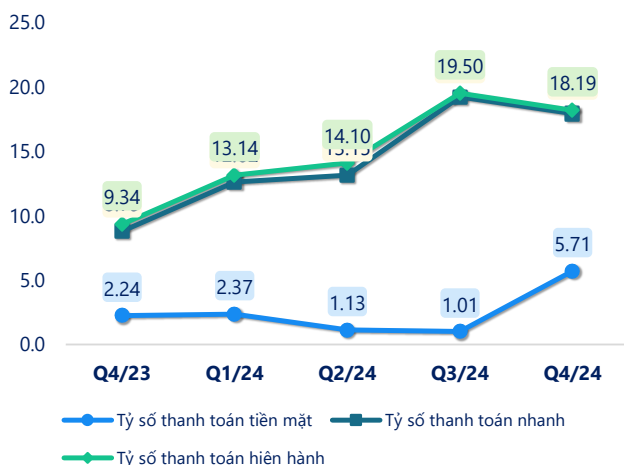
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

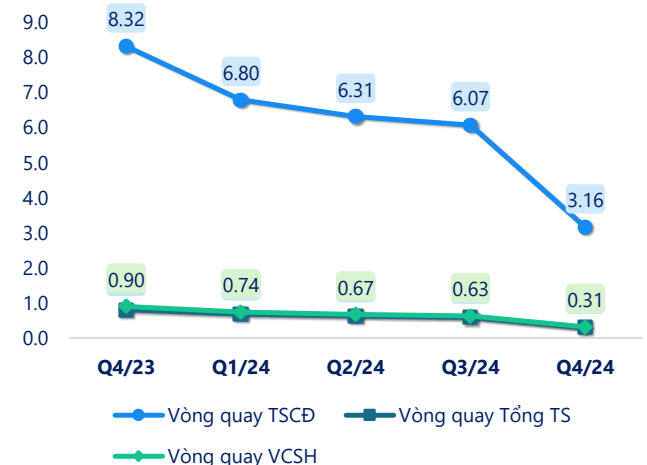
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	480	473	470	468	470
Tài sản ngắn hạn	266	295	263	265	254
Tiền và tương đương tiền	63.8	53.1	21.1	13.7	79.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	25.3	25.3	0	61.5
Phải thu ngắn hạn	184	202	196	245	107
Hàng tồn kho	15.5	11.7	17.7	3.90	3.50
Tài sản ngắn hạn khác	2.54	2.61	2.55	2.35	2.14
Tài sản dài hạn	214	178	207	204	216
Phải thu dài hạn	97.6	97.6	99.6	97.6	97.6
Tài sản cố định	46.2	45.9	44.5	43.3	42.0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	67.5	32.4	60.2	60.2	74.1
Tài sản dài hạn khác	2.72	2.60	2.51	2.49	2.41
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	40.0	31.3	25.1	22.4	22.8
Nợ ngắn hạn	28.5	22.4	18.6	13.6	13.9
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	2.80	4.39	1.01	1.52
Phải trả người bán ngắn hạn	18.5	9.89	4.74	3.05	2.84
Nợ dài hạn	11.5	8.85	6.41	8.86	8.87
Vay và nợ thuê dài hạn	11.5	8.78	6.33	8.78	8.69
Nguồn vốn chủ sở hữu	440	442	445	446	447
Vốn chủ sở hữu	440	442	445	446	447
Vốn điều lệ	354	354	354	386	386
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)